TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 224/2017/QĐST- HNGĐ	*Chí Linh, ngày 02 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 287/2017/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị N** - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Số nhà 13, đường Đ, khu dân cư T 3, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương;

Nơi làm việc: Công ty cổ phần sân G. Địa chỉ: Phường T, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H** - Sinh năm 1982

HKTT: Thôn T, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Số nhà 13, đường Đ, khu dân cư T 3, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao hai con chung là Nguyễn Thu P sinh ngày 18/7/2010 và Nguyễn Hương M sinh ngày 22/7/2006 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị chị N là 1.500.000đ/1 tháng/1 con, hai con là 3.000.000đ/1 tháng, kể từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự, kể từ ngày chị N yêu cầu thi hành án, nếu anh H không thi hành số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung*: Chị N và anh H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Phạm Thị N tự nguyện nộp cả 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000052 ngày 06/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C - Hải Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành ỏn dõn sự thỡ người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH
Thẩm phán

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục Thi hành án C;
- UBND xã H - thị xã C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Dung